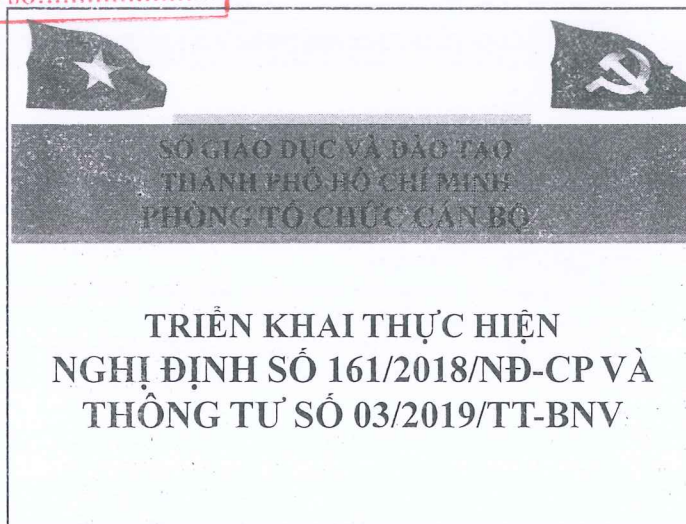


TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ THƯỜNG
KIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 467
ĐẾN Ngày: 07/10/19
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Ký: Phòng TCTCTH
mm

07/10/2019



NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

- Đối với công tác tuyển dụng công chức, viên chức:
 - Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng không được đưa ra các điều kiện, tiêu chuẩn trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, trường công lập, trường ngoài công lập. Quy định này để đảm bảo phù hợp với Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức và Luật Giáo dục đại học về việc không quy định phân biệt loại hình đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, cơ sở đào tạo.
 - Chế độ ưu tiên trong tuyển dụng được quy định theo hướng cộng điểm ưu tiên và áp dụng thống nhất giữa tuyển dụng công chức và tuyển dụng viên chức. Theo đó, điểm ưu tiên được cộng vào kết quả điểm thi vòng 2.
 - Quy định nội dung, hình thức, quy trình thi tuyển và xét tuyển theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng, gắn thẩm quyền tuyển dụng với thẩm quyền sử dụng công chức, viên chức và theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển dụng.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

- Việc tuyển dụng công chức, viên chức được tổ chức theo 2 vòng:
 - Vòng 1:** Thi trắc nghiệm (thi trên máy vi tính hoặc trên giấy).
Gồm 3 phần:
 - + Phần I: Thi Kiến thức chung 60 câu hỏi trong thời gian 60 phút.
 - + Phần II: Thi Ngoại ngữ 30 câu hỏi trong thời gian 30 phút. (Miễn phần thi này nếu: Có bằng Đại học về ngoại ngữ trở lên; Có bằng Đại học ở nước ngoài trở lên; Người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số dự tuyển công chức ở vùng dân tộc thiểu số).
 - + Phần III: Thi Tin học 30 câu hỏi trong thời gian 30 phút. (Miễn phần thi này nếu: có bằng Trung cấp chuyên ngành CNTT; Tin học hoặc Toán – Tin trở lên).
 - Vòng 2:** Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành:
 - + Nội dung thi kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng;
 - + Hình thức thi phỏng vấn hoặc thi viết.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

- Phân cấp thẩm quyền tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống cho các bộ, ngành, địa phương.
Các bộ, ngành, địa phương quyết định danh sách công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch và chịu trách nhiệm toàn bộ trong quá trình tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

3. Quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện và phân cấp thẩm quyền tuyển dụng đặc cách công chức cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện. Theo đó:

+ Đối với tuyển dụng công chức: Không quy định việc tuyển dụng đặc cách đối với các trường hợp theo *Nghị định số 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ*. Cụ thể hóa trường hợp được tuyển dụng đặc cách đối với người có trình độ đào tạo từ đại học, có 5 năm kinh nghiệm công tác, đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

+ Đối với tuyển dụng viên chức: Không quy định việc tuyển dụng đặc cách đối với các trường hợp theo *Nghị định số 140/2017/NĐ-CP về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ*. Thay thế quy định tuyển dụng người có kinh nghiệm từ 3 năm thành 5 năm kinh nghiệm trở lên, đáp ứng được ngay yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

4. Quy định thống nhất thời gian tập sự đối với viên chức:

+ 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học. Riêng đối với chức danh nghề nghiệp bác sĩ là 09 tháng;

+ 09 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng;

+ 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

5. Không thực hiện chế độ thôi việc đối với viên chức trong 2 trường hợp sau:

+ Viên chức được cơ quan có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị.

+ Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tình giản biên chế theo quy định của pháp luật.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

6. Tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp công, phân cấp cho Bộ, ngành, địa phương thực hiện, cụ thể:

+ Giao cho người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định một trong hai hình thức phỏng vấn hoặc thi viết tại vòng 2.

+ Giao thẩm quyền quyết định việc quyết định tuyển dụng công chức không qua thi tuyển (*bỏ quy định phải có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ hay Ban Tổ chức TW*).

+ Giao thẩm quyền tổ chức thi năng ngạch công chức chuyên ngành tương đương ngạch chuyên viên cao cấp cho Bộ quản lý công chức chuyên ngành và thẩm quyền tổ chức thi năng ngạch công chức lên chuyên viên chính hoặc tương đương cho Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

+ Giao thẩm quyền quyết định danh mục vị trí việc làm cho Bộ, ngành, địa phương.

+ Giao thẩm quyền quyết định bổ nhiệm ngạch công chức cao cấp và chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I cho Bộ, ngành, địa phương.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP**7. Quy định nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong tuyển dụng, nâng ngạch công chức, viên chức:**

+ Thay hồ sơ dự tuyển công chức, viên chức bằng Phiếu đăng ký dự tuyển công chức, viên chức *(người dự thi nhận được thông báo trúng tuyển của cơ quan có thẩm quyền tổ chức thi đến cơ quan xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ theo quy định)*

+ Cán bộ, công chức từ cấp huyện được điều động, luân chuyển về làm cấp xã khi điều động, luân chuyển trở lại *không thực hiện thủ tục xét chuyển* từ cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện.

+ Thống nhất để Bộ quản lý ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành Thông tư quy định về mã số, tiêu chuẩn và việc xếp lương sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

8. Nghị định bổ sung quy định người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định việc ký tiếp hợp đồng làm việc xác định thời hạn đối với viên chức sau khi thực hiện xong hợp đồng làm việc lần đầu.

NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH 161/2018/NĐ-CP

9. Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho phù hợp tinh thần NQ số 27-NQ/TW của Hội nghị TW 7 Khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: Thực hiện thống nhất chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động (hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ) đối với người làm công việc thừa hành, phục vụ (yêu cầu trình độ đào tạo dưới trung cấp). Đồng thời, Nghị định quy định không áp dụng chế độ công chức đối với lái xe Bộ trưởng hoặc tương đương, không ký hợp đồng lao động để làm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV**

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung 07 nội dung của Thông tư số 13/2010/TT-BNV:

- + Điều 4 về tổ chức thi tuyển, xét tuyển đối với công chức.
- + Điều 6 về thông báo tuyển dụng.
- + Điều 10 về tiếp nhận đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức.
- + Điều 11 về xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc khi tuyển dụng.
- + Điều 14 về nguyên tắc tổ chức thi nâng ngạch công chức.
- + Điều 15 về xây dựng Đề án thi nâng ngạch công chức.
- + Điều 18 về bổ nhiệm ngạch và xếp lương công chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch.

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV**

Điều 2: Sửa đổi, bổ sung 07 nội dung của Thông tư số 12/2012/TT-BNV:

- + Điều 6 về xét chuyển chức danh nghề nghiệp.
- + Điều 8 về căn cứ tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- + Điều 12 về tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- + Điều 13 về Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- + Điều 14 về xác định người trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- + Điều 15 về bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- + Điều 16 về tổ chức thực hiện.

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV**

Điều 3: Sửa đổi, bổ sung 04 nội dung của Thông tư số 15/2015/TT-BNV:

- + Điều 3 về thông báo tuyển dụng viên chức.
- + Điều 11 về hợp đồng làm việc xác định thời hạn.
- + Điều 12 về hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.
- + Điều 14 về chấm dứt hợp đồng làm việc trong trường hợp viên chức chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị khác.

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV**

Điều 4: Sửa đổi, bổ sung 03 nội dung của Thông tư số 15/2001/TT-BTCCBCP:

- + Khoản I Mục I về cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ hợp đồng một số loại việc.
- + Mục II về ký kết, thực hiện, thay đổi, chấm dứt, thanh lý hợp đồng và quyết tranh chấp khi hợp đồng các công việc nói tại Điều I của ND số 68/2000/ND-CP.
- + Khoản I Mục III về điều kiện đối với bên ký hợp đồng với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

**NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV**

Việc ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 là để thực hiện nội dung được Chính phủ giao cho Bộ Nội vụ thực hiện tại ND số 161/2018/ND-CP; đồng thời rà soát để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các nội dung quy định trong các Thông tư do Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền trước đó có quy định liên quan đến việc tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không còn phù hợp hoặc đã được quy định tại ND số 161/2018/ND-CP.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Về Phiếu đăng ký dự tuyển:

Theo quy định tại NĐ số 161/2018/NĐ-CP thì người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính (không phải nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển).

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

3. Về trình tự, thủ tục tuyển dụng công chức:

Thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Cán bộ, công chức; NĐ số 161/2018/NĐ-CP và Thông tư số 03/2019/TT-BNV.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

2. Về Hội đồng tuyển dụng:

Tại khoản 3 Điều 1, khoản 2 Điều 2 NĐ số 161/2018/NĐ-CP có quy định số lượng thành viên Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên và trường hợp có ý kiến bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của chủ tịch Hội đồng.

Việc quy định như trên áp dụng trong trường hợp khi biểu quyết vắng 01 thành viên hoặc trường hợp có đủ số lượng thành viên là 05 hoặc 07 nhưng có 01 thành viên bỏ quyền biểu quyết hoặc bỏ phiếu trắng (cũng áp dụng tương tự đối với Hội đồng kiểm tra, sát hạch).

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

4. Về công nhận kết quả trúng tuyển trong trường hợp phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới:

Tại NĐ số 161/2018/NĐ-CP có quy định phát sinh nhu cầu tuyển dụng mới trong cùng năm tuyển dụng đối với vị trí có yêu cầu về chuyên ngành đào tạo giống như vị trí việc làm mà người dự tuyển đã đăng ký trong năm tuyển dụng thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng công chức, viên chức quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề. Theo quy định này thì năm tuyển dụng chính là năm theo kế hoạch tuyển dụng đã được người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng công chức, viên chức quyết định.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

5. Về tiếp nhận không qua thi tuyển vào làm công chức:

- + Về tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển đối với trường hợp có 05 năm kinh nghiệm công tác (Theo quy định tại khoản 11 Điều 1 NĐ số 161/2018/NĐ-CP và tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV). *NĐ số 161/2018/NĐ-CP và Thông tư số 03/2019/TT-BNV chưa có quy định việc công dồn thời gian công tác khi làm công chức cấp xã và thời gia làm viên chức tại đơn vị sự nghiệp để tính đủ 05 năm được tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển.*
- + Về quy định thời gian 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật khi tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển (Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 13/2010/TT-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV).
- + Về tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển đối với trường hợp đã là cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.
- + Về hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển vào công chức (Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 03/2019/TT-BNV).
- + Về thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận không qua thi tuyển vào công chức (theo quy định tại khoản 11 Điều 1 NĐ số 161/2018/NĐ-CP).

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

6. Về tiếp nhận để bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý:

Việc thực hiện quy trình tiếp nhận không qua thi tuyển được thực hiện đồng thời với quy trình về công tác bổ nhiệm; cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng phải thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 NĐ số 24/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 NĐ số 161/2018/NĐ-CP.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

7. Về xét chuyển cán bộ cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên:

Quy trình xét tuyển từ cán bộ cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 13/2010/TT-BNV.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

8. Về chế độ tập sự đối với công chức, viên chức:

- + Thời gian tập sự đối với công chức (theo quy định tại khoản 12 Điều 1 NĐ số 161/2018/NĐ-CP), trang 14
- + Thời gian tập sự đối với viên chức (theo quy định tại khoản 11 Điều 2 NĐ số 161/2018/NĐ-CP), trang 14
- + Chế độ, chính sách đối với người tập sự (theo quy định tại khoản 1 Điều 22 NĐ số 29/2012/NĐ-CP), trang 15

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

9. Về đối tượng tiếp nhận vào viên chức:

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 2 NĐ số 161/2018/NĐ-CP (trang 15).

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

10. Về trường hợp viên chức chuyển đến đơn vị sự nghiệp công lập khác:

- + Về viên chức chuyển đến đơn vị sự nghiệp khác (tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 03/2019/TT-BNV) a trang 16
- + Về giải quyết thôi việc đối với viên chức. b trang 16

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

I. VỀ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

- 11. Về xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức có thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc:**
Theo quy định tại khoản 7 Điều 2 NĐ số 161/2018/NĐ-CP. (trang 16)

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

II. VỀ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Về thẩm quyền tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

- + Đối với chức danh tương đương chuyên viên cao cấp do Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp chuyên ngành chủ trì thực hiện.
- + Đối với chức danh tương đương chuyên viên chính do Bộ, ngành, địa phương chủ trì thực hiện.
- + Đối với chức danh tương đương chuyên viên, cán sự do Bộ, ngành, địa phương tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị tổ chức theo quy định của pháp luật.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

II. VỀ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

2. Về tổ chức thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:
Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 NĐ số 29/2012/NĐ-CP. (trang 17)

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

II. VỀ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

3. Tiêu chuẩn, điều kiện về thời gian giữ ngạch để dự thi nâng ngạch công chức:
Theo quy định tại khoản 14 Điều 1 NĐ số 161/2018/NĐ-CP có quy định công chức dự thi nâng ngạch phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ ngạch dưới liền kề

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

II. VỀ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

4. Tiêu chuẩn, điều kiện xác định thời hạn đánh giá, phân loại đối với viên chức để dự thăng hạng:
Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 NĐ số 29/2012/NĐ-CP trang 18

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

III. VỀ THỰC HIỆN CÁC QUY CHẾ, NỘI QUY KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC (19)

- + Về thành lập các Ban giúp việc của Hội đồng thi: Theo quy định tại NĐ số 161/2018/NĐ-CP.
- + Về công tác xây dựng đề thi tuyển dụng công chức, viên chức: Khi thực hiện đề thi cho kỳ tuyển dụng thi phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy định tại Điều 3, Điều 20 Quy chế tổ chức thi ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV.
- + Về xử lý kết quả chấm thi quy định tại Điều 25 Quy chế tổ chức thi
- + Về xử lý điểm chấm phúc khảo quy định tại khoản 8 Điều 26 Quy chế tổ chức thi.
- + Về tổ chức ghép phách quy định khoản 1 Điều 28 Quy chế tổ chức thi
- + Về ghép phách.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Về đối tượng không thực hiện ký hợp đồng:
Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 NĐ số 161/2018/NĐ-CP trang 20

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

2. Về chế độ lương khi chuyển sang thực hiện hợp đồng lao động
Theo quy định của NĐ số 161/2018/NĐ-CP và Thông tư số 03/2019/TT-BNV thì đối với ký hợp đồng lao động theo quy định tại NĐ số 68/2000/NĐ-CP không thuộc chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc và quỹ tiền lương của cơ quan, tổ chức, đơn vị; không áp dụng thang, bảng lương quy định tại NĐ số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang mà chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động; mức lương trong hợp đồng mới không thấp hơn mức lương hiện hưởng.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

3. Về nguồn kinh phí chi trả thực hiện lao động hợp đồng:
+ Đối với cơ quan hành chính: Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan theo quy định của pháp luật.
+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Kinh phí được lấy từ nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

4. Về BHXH đối với lao động hợp đồng:
Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

5. Về chế độ phụ cấp đối với lao động hợp đồng:
 Thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

6. Về đối tượng thực hiện tinh giản biên chế:
 Các trường hợp là hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 ND số 68/2000/NĐ-CP làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhà nước khi thực hiện chuyển sang ký hợp đồng lao động theo ND số 161/2018/NĐ-CP thì vẫn thuộc đối tượng thực hiện tinh giản biên chế.

NỘI DUNG
TRAO ĐỔI THÔNG NHẤT KHI THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2018/NĐ-CP VÀ
THÔNG TƯ SỐ 03/2019/TT-BNV

IV. VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

7. Về xác định số lượng lao động hợp đồng:
 Thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 3 ND số 161/2018/NĐ-CP căn cứ vào danh mục vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

THÔNG TƯ SỐ 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON,
PHÓ THÔNG CÔNG LẬP

Điều 2. Nguyên tắc xét thăng hạng

- Việc cử giáo viên dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương.
- Giáo viên được tham dự xét thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.
- Giáo viên dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng giáo viên về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.
- Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

THÔNG TƯ SỐ 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON,
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.
2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

THÔNG TƯ SỐ 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON,
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

- Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**
3. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự xét theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non công lập; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập; Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập..

THÔNG TƯ SỐ 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON,
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

Điều 6. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.
2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:
 - a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;
 - b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;
 - c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;
 - d) Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

THÔNG TƯ SỐ 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON,
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên tiểu học hạng III

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

- Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.
- a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,5 điểm);
 - b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp (0,5 điểm);
 - c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên (1,5 điểm);

THÔNG TƯ SỐ 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017
QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT
THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON,
PHỔ THÔNG CÔNG LẬP

Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét giáo viên tiểu học
 hạng III

1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

- d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);
- đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi (0,5 điểm);
- e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

LUẬT GIÁO DỤC

có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Điều 72. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non;

b) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: